TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 22 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 259/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996
HKTT: Thôn CH, xã TH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn QN, xã BL, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn CH, xã TH, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Mạnh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Mạnh Q, sinh ngày 11/11/2018, hiện cháu đang ở cùng chị Th. Chị Th, anh T thỏa thuận giao chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 2.100.000đồng/1 tháng, thời hạn đóng góp kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Th và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh T không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm đóng góp tương ứng với thời gian chậm đóng góp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị Th, anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện nhận chịu cả 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con thay anh T. Cộng bằng 300.000đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002064 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV1- Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TH
(Đăng ký kết hôn số 15 ngày 30/4/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý